

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2689/QĐ-ĐHNH, ngày 05 tháng 12 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh)

Ngành đào tạo : **TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

Mã ngành : **7340201**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp Ngành Tài chính - Ngân hàng chương trình chất lượng cao nắm vững kiến thức nền tảng, hiện đại về kinh tế, kinh doanh, quản lý; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về tài chính ngân hàng; có đạo đức nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân tốt; có năng lực nghiên cứu, hoạch định, thực thi và giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến lĩnh vực tài chính ngân hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chuẩn đầu ra	Mô tả
Kiến thức	
PLO 1	Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội như: Chính trị, pháp luật, tâm lý để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong nghề nghiệp.
PLO 2	Có kiến thức cơ bản về toán, tin học, phương pháp nghiên cứu khoa học để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong nghề nghiệp.
PLO 3	Có kiến thức nền tảng về kinh tế, quản trị, kế toán để vận dụng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng

PLO 4	Có kiến thức chuyên sâu về ngân hàng, đầu tư tài chính, tài chính doanh nghiệp nhằm vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
PLO 5	Có các kiến thức bổ trợ về tiếng Anh, giao tiếp, thuyết trình, lãnh đạo, phương pháp tư duy để giải quyết các vấn đề phát sinh trong nghề nghiệp.
Kỹ năng	
PLO 6	Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng
PLO 7	Có các kỹ năng cá nhân như: giao tiếp, thuyết trình, lãnh đạo, làm việc nhóm, tư duy phản biện để làm việc hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế.
PLO 8	Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu
Thái độ	
PLO 9	Có tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và kỷ luật trong công việc
PLO 10	Có ý thức tuân thủ chính sách pháp luật của nhà nước
PLO 11	Có tinh thần cầu tiến và sẵn sàng làm việc trong môi trường quốc tế.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Tài chính - Ngân hàng, có năng lực đảm nhiệm các nhóm vị trí công việc như sau:

- **Nhóm 1:** Chuyên viên các bộ phận nghiệp vụ liên quan đến tài chính – ngân hàng tại các định chế tài chính như: ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, công ty bảo hiểm ...
- **Nhóm 2:** Chuyên viên, cán bộ quản lý tài chính tại các doanh nghiệp phi tài chính
- **Nhóm 3:** Cán bộ hoạch định chính sách và quản lý nhà nước về tài chính – tiền tệ tại các cơ quan Nhà nước.

- **Nhóm 4:** Tiếp tục theo học ở các bậc cao hơn trong và ngoài nước để đảm nhiệm các vị trí nghiên cứu viên, giảng viên về tài chính – ngân hàng tại các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thời gian đào tạo tối đa là 08 năm, gồm: 04 năm thời gian đào tạo thiết kế - là thời gian đào tạo chuẩn để hoàn thành khoá học, 02 năm thời gian đào tạo kéo dài thêm, và 02 năm thời gian đào tạo kéo dài cuối cùng.

Sinh viên có thể rút ngắn thời gian học tập tối đa 1 năm so với thời gian đào tạo thiết kế.

Khi hết thời gian đào tạo thiết kế mà sinh viên chưa hoàn thành CTĐT theo quy định, sinh viên được nộp đơn, đề nghị Phòng Đào tạo cho phép sử dụng 02 năm *thời gian đào tạo kéo dài thêm* để hoàn thành CTĐT; khi hết *thời gian đào tạo kéo dài thêm* mà sinh viên vẫn chưa hoàn thành CTĐT theo quy định, sinh viên được nộp đơn, đề nghị Hiệu trưởng cho phép sử dụng 02 năm *thời gian đào tạo kéo dài cuối cùng* để hoàn thành CTĐT.

Sau khi hết thời gian đào tạo tối đa (08 năm) sinh viên không hoàn thành CTĐT sẽ được giải quyết theo quy định trong Quy chế đào tạo.

Việc chuyển đổi học tập từ chương trình đại học chính quy chất lượng cao sang chương trình đại học chính quy và ngược lại được thực hiện theo Quy chế quản lý học vụ chương trình chất lượng cao trình độ đại học.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

Khối lượng kiến thức Chương trình đào tạo đại học chính quy chất lượng cao ngành Tài chính ngân hàng bao gồm:

- Chương trình giáo dục đại cương và chuyên nghiệp: 130 tín chỉ
- Chương trình đào tạo tăng cường gồm 08 tín chỉ kỹ năng mềm và tối đa 36 tín chỉ tiếng Anh tăng cường
- Chương trình giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng gồm 05 tín chỉ giáo dục thể chất và 08 tín chỉ giáo dục quốc phòng.

Điểm số của các học phần trong Chương trình giáo dục đại cương và chuyên nghiệp là căn cứ để tính điểm bình quân tích lũy và xếp loại tốt nghiệp. Các học phần trong chương trình giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng là học phần điều kiện, không tính vào điểm bình quân và xếp loại tốt nghiệp.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Đối tượng tuyển sinh phải có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Thí sinh đăng ký tuyển sinh/xét tuyển vào chương trình đại học chính quy chất lượng cao trong đợt tuyển sinh đại học chính quy hàng năm.

Sinh viên trúng tuyển vào chương trình đại học chính quy ngành tương ứng có nguyện vọng được phép đăng ký chuyển sang học Chương trình đại học chính quy chất lượng cao ngành Tài chính ngân hàng. Điều kiện chuyển đổi được quy định tại Quy chế quản lý học vụ chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM. Ngoài ra, để được xét công nhận tốt nghiệp, sinh viên thuộc chương trình đào tạo đại học chính quy chất lượng cao ngành Tài chính Ngân hàng phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:

- Sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh theo quy định;
- Sinh viên phải đạt trình độ tin học theo quy định;
- Hoàn thành các học phần kỹ năng mềm và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường;
- Hoàn thành các học phần tiếng Anh tăng cường theo quy định của Nhà trường;
- Được công nhận hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học theo quy định của Nhà trường.

7. THANG ĐIỂM

Điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên được tính theo thang điểm hệ 10 được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm hệ 4. Việc quy đổi giữa các thang điểm được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.

8. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO, ĐỐI SÁNH VÀ KHẢ NĂNG CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ QUỐC TẾ

8.1. Chương trình đào tạo tham khảo, đối sánh

- Chương trình đào tạo đại học Ngành Tài chính Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính của Trường Đại học Griffith (Australia) ban hành và áp dụng từ năm 2013;
- Chương trình đào tạo Cử nhân Tài chính của Đại học South Florida áp dụng từ năm 2013.

8.2. Khả năng chuyển đổi tín chỉ quốc tế

Sinh viên có thể tham gia chương trình chuyển đổi tín chỉ quốc tế theo các hợp đồng đã ký kết giữa trường Đại học Ngân hàng TP.HCM và các trường đại học đối tác nước ngoài (trong đó có Đại học Griffith, Australia). Khi sinh viên chuyển sang học tại các trường đối tác sẽ được miễn giảm các học phần tương ứng đã học tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM và nhận bằng do Trường đối tác cấp.

9. KẾT CẤU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

9.1. Chương trình giáo dục đại cương và chuyên nghiệp

MỤC	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	TRỌNG SỐ
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	11	24	18%
2	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	19	53	41%
3	KIẾN THỨC NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	16	53	41%
	TỔNG CỘNG	46	130	100%

9.2. Chương trình Giáo dục thể chất quốc phòng

MỤC	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ
1	Giáo dục thể chất/Physical Education	5
2	Giáo dục quốc phòng an ninh/National Defence and Security Education Programmes	8
	TỔNG CỘNG	13

Lưu ý: Các học phần trong Chương trình Giáo dục thể chất quốc phòng là điều kiện khi xét tốt nghiệp, không tính vào điểm trung bình chung học tập và xếp loại tốt nghiệp.

9.3. Chương trình đào tạo tăng cường

MỤC	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ
1	Tiếng Anh tăng cường/ <i>Intensive English (*)</i>	36
2	Kỹ năng mềm/ <i>Soft skills</i>	8
	TỔNG CỘNG	28

(*) Lưu ý: Số tín chỉ trong Khối kiến thức tiếng Anh tăng cường bao gồm cả phần bắt buộc và phần tự chọn theo nguyện vọng của sinh viên. Ngoài ra sinh viên còn có thể được miễn giảm các học phần tiếng Anh tăng cường tùy thuộc vào trình độ tiếng Anh thực tế của sinh viên.

10. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

10.1. Chương trình giáo dục đại cương và chuyên nghiệp

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	24
1.1	Triết học Mác – Lênin/ <i>Philosophy of Marxism and Leninism</i>	3
1.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin/ <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	2
1.3	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific Socialism</i>	2
1.4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ <i>History of the Vietnamese Communist Party</i>	2
1.5	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	2
1.6	Toán cao cấp 1/ <i>Advanced Mathematic 1 (Đại số tuyến tính/ Linear Algebra)</i>	2
1.7	Toán cao cấp 2/ <i>Advanced Mathematic 2 (Giải tích/ Analysis)</i>	2
1.8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Theory of Probability and Statistics</i>	3
1.9	Mô hình toán kinh tế/ <i>Economics Mathematical Model</i>	2

1.10	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ <i>Theory of State and Law</i>	2
1.11	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	2
2	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	53
	Học phần bắt buộc	
2.1	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3
2.2	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3
2.3	Nguyên lý thống kê/ <i>Principles of Statistic</i>	2
2.4	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	3
2.5	Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>	3
2.6	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	3
2.7	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	2
2.8	Nguyên lý Marketing/ <i>Principles of Marketing</i>	2
2.9	Tin học ứng dụng/ <i>Applied Informatics</i>	3
2.10	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	3
2.11	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Method</i>	2
2.12	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ <i>Theory of Finance and Money</i>	3
2.13	Thị trường tài chính và các định chế tài chính/ <i>Financial Markets and Institutions</i>	3
2.14	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3
2.15	Kế toán tài chính 1/ <i>Financial Accounting 1</i>	3
2.16	Tài chính công ty đa quốc gia/ <i>Multinational Corporation Finance</i>	3
2.17	Tiếng Anh chuyên ngành 1/ <i>English for Specific Purposes 1</i>	3
2.18	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng/ <i>English for Banking and Finance</i>	3
	Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)	
2.19	Lịch sử các học thuyết kinh tế/ <i>History of Economic Theories</i>	3
2.20	Kinh tế học công cộng/ <i>Public Economics</i>	3

2.21	Kinh tế học phát triển/ <i>Development Economics</i>	3
3	KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	53
	Kiến thức ngành	26
	Học phần bắt buộc	
3.1	Hoạt động kinh doanh ngân hàng/ <i>Banking Operations</i>	3
3.2	Phân tích tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance Analysis</i>	3
3.3	Thuế/ <i>Taxation</i>	3
3.4	Marketing dịch vụ tài chính/ <i>Financial Services Marketing</i>	3
3.5	Thẩm định dự án đầu tư/ <i>Investment Project Appraisal</i>	3
3.6	Quản trị ngân hàng thương mại/ <i>Commercial Banking Management</i>	3
3.7	Kinh tế lượng ứng dụng (trong tài chính)/ <i>Applied Econometrics</i>	2
	Học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 học phần)	
3.8	Bảo hiểm/ <i>Insurance</i>	3
3.9	Kinh doanh ngoại hối/ <i>Foreign Exchange Trade</i>	3
3.10	Kế toán ngân hàng/ <i>Banking Accounting</i>	3
3.11	Kế toán quản trị/ <i>Management Accounting</i>	3
3.12	Khởi nghiệp kinh doanh/ <i>Entrepreneurship</i>	3
3.13	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp/ <i>Business Ethics and Corporate Culture</i>	3
	Kiến thức chuyên ngành	15
3.14	Tín dụng ngân hàng/ <i>Bank Credit</i>	3
3.15	Thanh toán quốc tế/ <i>International Payment</i>	3
3.16	Đầu tư tài chính/ <i>Finance Investment</i>	3
3.17	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư/ <i>Investment Banking</i>	3
3.18	Quản lý danh mục đầu tư/ <i>Portfolio Management</i>	3
3.19	Thực tập cuối khóa/ <i>Internship</i>	3
3.20	Khóa luận tốt nghiệp / <i>Dissertations</i>	9

10.2. Chương trình Giáo dục thể chất quốc phòng:

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Các học phần giáo dục thể chất	5
1.1	Giáo dục thể chất 1/Physical Education 1	1
1.2	Giáo dục thể chất 2/Physical Education 2	1
1.3	Giáo dục thể chất 3/Physical Education 3	1
1.4	Giáo dục thể chất 4/Physical Education 4	1
1.5	Giáo dục thể chất 5/Physical Education 5	1
2	Giáo dục quốc phòng an ninh/ National Defence and Security Education Programmes (*)	8
	TỔNG CỘNG	13

(*) Học phần Giáo dục quốc phòng an ninh được tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ theo chương trình riêng.

10.3. Chương trình đào tạo tăng cường

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Chương trình tiếng Anh tăng cường	
1.1	Tiếng Anh tăng cường 1 /Intensive English 1 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 1 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 1 (2 tín chỉ)	4
1.2	Tiếng Anh tăng cường 2 /Intensive English 2 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 2 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 2 (2 tín chỉ)	4
1.3	Tiếng Anh tăng cường 3 /Intensive English 3 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 3 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 3 (2 tín chỉ)	4

1.4	Tiếng Anh tăng cường 4 /Intensive English 4 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 4 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 4 (2 tín chỉ)	4
1.5	Tiếng Anh tăng cường 5 /Intensive English 5 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 5 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 5 (2 tín chỉ)	4
1.6	Tiếng Anh tăng cường 6 /Intensive English 6 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 6 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 6 (2 tín chỉ)	4
1.7	Tiếng Anh tăng cường 7 /Intensive English 7 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 7 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 7 (2 tín chỉ)	4
1.8	Tiếng Anh tăng cường 8 /Intensive English 8 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 8 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 8 (2 tín chỉ)	4
1.9	Tiếng Anh tăng cường 9 /Intensive English 9 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 9 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 9 (2 tín chỉ)	4
2	Chương trình kỹ năng mềm	
2.1	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình/ <i>Communication and Presentation Skills</i>	2
2.2	Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm/ <i>Leadership and Teamworking Skills</i>	2

2.3	Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề / <i>Analysing and Problem Solving Skills</i>	2
2.4	Kỹ năng ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực tài chính ngân hàng / <i>Skills for applying new technology in finance and banking</i>	2
	TỔNG CỘNG	44

Lưu ý:

- Các học phần Tiếng Anh tăng cường từ 1 đến 7 là bắt buộc, các học phần tiếng Anh tăng cường 8 và 9 là tự chọn theo nguyện vọng của sinh viên.
- Bắt đầu mỗi khóa học và mỗi năm học, Trường sẽ tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào của sinh viên. Căn cứ vào kết quả kiểm tra hoặc các chứng chỉ tiếng Anh của sinh viên, Trường sẽ xác định các học phần tiếng Anh tăng cường sinh viên được miễn và các học phần tiếng Anh tăng cường sinh viên phải học.

11. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

11.1. Học kỳ 1

TT	TÊN HỌC PHẦN	STC
1	Triết học Mác – Lênin/ <i>Philosophy of Marxism and Leninism</i>	3
2	Toán cao cấp 1/ <i>Advanced Mathematic 1 (Đại số tuyến tính/ Linear Algebra)</i>	2
3	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3
4	Quản trị học/ <i>Fundamental of Management</i>	2
5	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	2
7	Anh văn tăng cường 1/ <i>Intensive English 1</i>	4
8	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình/ <i>Communication and Presentation Skills</i>	2
9	Giáo dục thể chất 1/ <i>Physical Education 1</i> (không tính trong tổng số tín chỉ)	1
10	Giáo dục quốc phòng an ninh/ <i>National Defence and Security Education Programmes</i> (không tính trong tổng số tín chỉ)	8
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	12

	(9) (6)
--	---------

11.2. Học kỳ 2

TT	TÊN HỌC PHẦN	STC
1	Kinh tế chính trị Mác – Lênin/ <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	2
2	Toán cao cấp 2/ <i>Advanced Mathematic 2 (Giải tích/ Analysis)</i>	2
3	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3
4	Nguyên lý thống kê/ <i>Principles of Statistic</i>	2
5	Nguyên lý Marketing/ <i>Principles of Marketing</i>	2
6	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ <i>Theory of State and Law</i>	2
7	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ <i>Theory of Finance and Money</i>	3
8	Anh văn tăng cường 2/ <i>Intensive English 2</i>	4
9	Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm/ <i>Leadership and Teamworking Skills</i>	2
10	Giáo dục thể chất 2/ <i>Physical Education 2</i> (không tính trong tổng số tín chỉ)	1
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	16 (1) (6)

11.3. Học kỳ 3

TT	TÊN HỌC PHẦN	STC
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific Socialism</i>	2
2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Theory of Probability and Statistics</i>	3
3	Mô hình toán kinh tế/ <i>Economics Mathematical Model</i>	2
4	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	3
5	Tin học ứng dụng/ <i>Applied Informatics</i>	3
6	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	3
7	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3

8	Anh văn tăng cường 3/ <i>Intensive English 3</i>	4
9	Kĩ năng phân tích và giải quyết vấn đề / <i>Analysing and Problem Solving Skills</i>	2
10	Giáo dục thể chất 3/ <i>Physical Education 3</i> (không tính trong tổng số tín chỉ)	1
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	19 (1) (6)

11.4. Học kỳ 4

TT	TÊN HỌC PHẦN	STC
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ <i>History of the Vietnamese Communist Party</i>	2
2	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	3
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Method</i>	2
4	Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>	3
5	Thị trường tài chính và các định chế tài chính/ <i>Financial Markets and Institutions</i>	3
6	Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần) Lịch sử các học thuyết kinh tế / <i>History of Economic Theories</i> Kinh tế học công cộng / <i>Public Economics</i> Kinh tế học phát triển / <i>Development Economics</i>	3
7	Anh văn tăng cường 4/ <i>Intensive English</i>	4
8	Giáo dục thể chất 4/ <i>Physical Education 4</i> (không tính trong tổng số tín chỉ)	1
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	16 (1) (4)

11.5. Học kỳ 5

TT	TÊN HỌC PHẦN	STC
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	2

2	Tiếng Anh chuyên ngành 1 / <i>English for Specific Purposes 1</i>	3
3	Tài chính công ty đa quốc gia/ <i>Multinational Corporation Finance</i>	3
4	Kế toán tài chính 1/ <i>Financial Accounting 1</i>	3
5	Hoạt động kinh doanh ngân hàng/ <i>Banking Operations</i>	3
6	Thuế/ <i>Taxation</i>	3
7	Kinh tế lượng ứng dụng (trong tài chính)/ <i>Applied Econometrics</i>	2
8	Anh văn tăng cường 5/ <i>Intensive English 5</i>	4
9	Giáo dục thể chất 5/ <i>Physical Education 5</i> (không tính trong tổng số tín chỉ)	1
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	19 (1) (4)

11.6. Học kỳ 6

TT	TÊN HỌC PHẦN	STC
1	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng/ <i>English for Banking and Finance</i>	3
2	Quản trị ngân hàng thương mại/ <i>Commercial Banking Management</i>	3
3	Phân tích tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance Analysis</i>	3
4	Thẩm định dự án đầu tư/ <i>Investment Project Appraisal</i>	3
5	Marketing dịch vụ tài chính/ <i>Financial Services Marketing</i>	3
6	Môn tự chọn 1 (chọn 1 trong 6 học phần) 1. Bảo hiểm/ Insurance 2. Kinh doanh ngoại hối/ Foreign Exchange Trade 3. Kế toán ngân hàng/ Banking Accounting 4. Kế toán quản trị/ Management Accounting 5. Khởi nghiệp kinh doanh/ Entrepreneurship	3

	6. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp/ Business Ethics and Corporate Culture	
7	Anh văn tăng cường 6/ <i>Intensive English 6</i>	4
8	Kỹ năng ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực tài chính ngân hàng/ <i>Skills for applying new technology in finance and banking</i>	2
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	18 (6)

11.7. Học kỳ 7

TT	TÊN HỌC PHẦN	STC
1	Thanh toán quốc tế/ <i>International Payment</i>	3
2	Tín dụng ngân hàng/ <i>Bank Credit</i>	3
3	Đầu tư tài chính/ <i>Finance Investment</i>	3
4	Quản lý danh mục đầu tư/ <i>Portfolio Management</i>	3
5	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư/ <i>Investment Banking</i>	3
6	Môn tự chọn 2 (chọn 1 trong 6 học phần) 1. Bảo hiểm/ Insurance 2. Kinh doanh ngoại hối/ Foreign Exchange Trade 3. Kế toán ngân hàng/ Banking Accounting 4. Kế toán quản trị/ Management Accounting 5. Khởi nghiệp kinh doanh/ Entrepreneurship 6. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp/ Business Ethics and Corporate Culture	3
7	Anh văn tăng cường 7/ <i>Intensive English</i>	4
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	18 (4)

11.8. Học kỳ 8

TT	TÊN HỌC PHẦN	STC
1	Thực tập cuối khóa/ <i>Internship</i>	3
2	Học phần khóa luận tốt nghiệp/ <i>Research Paper</i>	9
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	12

Lưu ý: Các học phần đào tạo kỹ năng mềm và tiếng Anh tăng cường sẽ được phân bổ phù hợp theo từng học kỳ.

12. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

12.1. KHÖI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG VÀ CHUYÊN NGHIỆP

1.1 Triết học Mác – Lênin (3 tín chỉ)

Môn học trước: Không có

Mô tả:

Triết học Mác – Lênin là môn học thuộc nhóm môn lý luận chính trị, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin cũng như vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.

Môn học giúp sinh viên hình thành thế giới quan và phương pháp luận mácxít, từ đó làm cơ sở cho sinh viên có thể nhận diện được các vấn đề chính trị, xã hội của đất nước.

Môn học giúp bồi dưỡng và nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước mà Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

1.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2 tín chỉ)

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin

Mô tả:

Kinh tế chính trị Mác – Lênin là môn khoa học kinh tế, trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị trong bối cảnh phát triển của đất nước và thế giới ngày nay. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường; qua đó, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin.

1.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Mô tả:

Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học cung cấp cho người học những kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công

nhân; con đường đi lên chủ nghĩa cộng sản và những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa như: dân chủ, nhà nước, giai cấp, dân tộc, tôn giáo, gia đình.

Các chủ đề thuyết trình nhóm đi kèm bài giảng nhằm trang bị những kỹ năng cần thiết và hữu ích giúp sinh viên có thể hiểu biết thực tiễn và vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Môn học giúp sinh viên có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; tin tưởng vào sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo

1.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Môn học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả:

Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cơ bản, bao gồm chương nhập môn và 3 chương nội dung. Các chủ đề của môn học bao gồm đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền của Đảng (1930-1945); sự lãnh đạo của Đảng qua hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ quốc và công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Các chủ đề thuyết trình nhóm đi kèm bài giảng nhằm trang bị những kỹ năng cần thiết và hữu ích giúp sinh viên có thể nhận diện được các vấn đề cơ bản của đất nước và thế giới, phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng, giúp bồi dưỡng và nâng cao bản lĩnh chính trị, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

1.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Môn học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả:

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học cơ bản, bao gồm 6 chương. Môn học cung cấp những kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của Tư tưởng Hồ Chí Minh và các nội dung cụ thể của Tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề của cách mạng Việt Nam: về độc lập dân tộc và CNXH; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa đạo đức và xây dựng con người.

1.6. Toán cao cấp 1 (2 tín chỉ)

Môn học trước: không

Mô tả:

Môn học trang bị các kiến thức toán cao cấp về đại số tuyến tính ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vectơ R^n ; phép biến đổi tuyến tính; chéo hoá ma trận và dạng toàn phương. Học xong môn học này, sinh viên có thể chuyển hóa các dạng bài toán kinh tế sang hệ phương trình hoặc ma trận để xử lý.

1.7. Toán cao cấp 2 (2 tín chỉ)

Môn học trước: Toán cao cấp 1 (Đại số tuyến tính)

Mô tả:

Môn học trang bị các kiến thức toán về giải tích ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân, tích phân của hàm số một biến số; giới hạn, liên tục, đạo hàm riêng và vi phân toàn phần, cực trị tự do và cực trị có điều kiện của hàm số nhiều biến số; một số dạng phương trình vi phân cấp 1, cấp 2.

Học xong môn học này, sinh viên có thể áp dụng để thực hiện các tính toán trong kinh tế, xác định điểm tối ưu và giá trị tối ưu của hàm mục tiêu...

1.8. Lý thuyết xác suất và thống kê toán (3 tín chỉ)

Môn học trước: Toán cao cấp 1; Toán cao cấp 2

Mô tả:

Môn học cung cấp các kiến thức về toán xác suất và thống kê. Nội dung bao gồm: Biến cố ngẫu nhiên, xác suất của một biến cố; biến ngẫu nhiên, luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, các đặc trưng số của biến ngẫu nhiên, luật số lớn; biến ngẫu nhiên nhiều chiều; mẫu và các đặc trưng mẫu, các phân phối xác suất của các đặc trưng mẫu; ước lượng tham số; kiểm định giả thuyết thống kê về tham số.

Học xong môn này, sinh viên có thể tiến hành tính toán xác suất của các biến cố ngẫu nhiên, hiểu về quy luật mà các biến ngẫu nhiên tuân theo và tiến hành xử lý dữ liệu

thống kê đơn giản bằng phần mềm SPSS trên máy tính cá nhân, cũng như bằng máy tính bỏ túi.

1.9. Mô hình toán kinh tế (2 tín chỉ)

Môn học trước: Toán cao cấp 2; Kinh tế vĩ mô

Mô tả:

Môn học cung cấp các kiến thức về mô hình toán kinh tế cơ bản gồm: xây dựng mô hình toán kinh tế; tính toán các chỉ tiêu của mô hình; giới thiệu một số mô hình; mô hình vào ra (I – O), mô hình tối ưu tuyến tính – qui hoạch tuyến tính.

Học xong môn này sinh viên sẽ hiểu được các khái niệm về mô hình, lập được một số mô hình đơn giản, hiểu ý nghĩa của các chỉ tiêu trong kinh tế và nắm được các phương pháp giải của một số bài toán dạng mô hình tuyến tính.

1.10. Lý luận về nhà nước và pháp luật (2 tín chỉ)

Môn học trước: không

Mô tả:

Môn học này nghiên cứu về những vấn đề liên quan tới quy luật hình thành, phát triển và bản chất của nhà nước và pháp luật. Nội dung chính đề cập đến: các vấn đề lý luận và thực tiễn của nhà nước và pháp luật nói chung, tới nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; các vấn đề liên quan đến những khái niệm cơ bản của pháp luật như vi phạm pháp luật, quy phạm pháp luật....; hệ thống pháp luật và những thành tố cơ bản của nó.

Môn học bao gồm 4 nội dung chính: Những nội dung cơ bản về Nhà nước; Những nội dung cơ bản về pháp luật; Cơ chế điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ xã hội; Khái quát hệ thống pháp luật Việt Nam và sơ lược một số ngành luật cơ bản hiện nay.

1.11. Tâm Lý học (2 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Mô tả:

Môn học cung cấp cho sinh viên hệ thống những tri thức cơ bản về tâm lý của con người bao gồm: bản chất tâm lý người, phân loại các hiện tượng tâm lý, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý, các hiện tượng tâm lý cơ bản: nhận thức, tình cảm, nhân cách.

Môn học này trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích những ví dụ thực tế có liên quan đến các tri thức tâm lý được học, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho bản thân trong công việc và cuộc sống; từ đó, hình thành ý thức rèn luyện nhân cách cho sinh viên.

2.1. Kinh tế học vi mô (3 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Mô tả:

Môn học Kinh tế học vi mô là môn học cơ sở khối ngành. Môn học này hệ thống hóa kiến thức về hành vi của các tổ chức và cá nhân trong việc ra quyết định sử dụng nguồn tài nguyên khan hiếm dựa trên phân tích quan hệ cung cầu và giá cả hàng hóa dịch vụ.

Cụ thể, môn học sẽ giới thiệu các khái niệm cơ bản và các công cụ sử dụng trong phân tích kinh tế vi mô; tập trung vào việc phân tích hành vi của người tiêu dùng quyết định đến giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ được cung ứng trên thị trường cũng như hành vi của các doanh nghiệp trên các cấu trúc thị trường khác nhau. Bên cạnh đó, môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường làm cơ sở cho việc định hướng can thiệp của Nhà nước nhằm đạt được hiệu quả tối ưu. Môn học sử dụng tài liệu, giáo trình bằng tiếng Anh.

2.2. Kinh tế học vĩ mô (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế học vi mô

Mô tả:

Môn học Kinh tế học vĩ mô là một trong những môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở khối ngành. Nội dung của môn học giới thiệu những kiến thức tổng quát về Kinh tế học vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về cách thức hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Môn học trình bày cách tính các chỉ tiêu kinh tế - thước đo thành tựu của một nền kinh tế - như chỉ tiêu tổng sản lượng quốc gia, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lạm phát..., cách xác định sản lượng cân bằng dựa vào mối quan hệ tổng cung - tổng cầu, các vấn đề kinh tế vĩ mô của 1 nền kinh tế mở và đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế cụ thể trong từng thời kì. Môn học sử dụng tài liệu, giáo trình bằng tiếng Anh.

2.3. Nguyên lý thống kê (2 tín chỉ)

Môn học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Mô tả:

Môn học cung cấp cho sinh viên hệ thống các kiến thức về các chỉ tiêu và các phương pháp trong thống kê. Từ đó, giúp sinh viên khái quát được hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thống kê; vận dụng được quy trình thống kê trong thực tế, vận dụng phương pháp chọn mẫu trong kinh tế, áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong việc mô tả, phân tích các vấn

đề kinh tế - xã hội; áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong phân tích sự biến động của các biến số kinh tế theo thời gian và dự báo các biến số kinh tế; áp dụng các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế.

2.4. Nguyên lý kế toán (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô

Mô tả

Môn học thuộc kiến thức cơ sở khối ngành, trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về nghề nghiệp kế toán, cụ thể là đối tượng kế toán; vai trò và chức năng của kế toán; các phương pháp kế toán như phương pháp chứng từ, kiểm kê, tài khoản, ghi sổ, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán; tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính.

2.5. Kinh tế học quốc tế (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế học vi mô; Kinh tế học vĩ mô; IELTS 4.5 hoặc các chứng chỉ khác tương đương hoặc đạt yêu cầu trong kỳ thi kiểm tra trình độ tiếng Anh do Trường tổ chức

Mô tả:

Môn học Kinh tế học quốc tế nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ và sự di chuyển các nguồn lực kinh tế. Bên cạnh đó, môn học quan sát các xu hướng toàn cầu hóa, xu hướng liên kết kinh tế - thương mại – đầu tư trên thế giới. Ngoài ra, sự vận động của Việt Nam trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế cũng là một nội dung quan trọng của môn học. Môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh.

2.6. Luật kinh doanh (3 tín chỉ)

Môn học trước: Lý luận về nhà nước và pháp luật

Mô tả:

Môn học nghiên cứu những vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh của các chủ thể kinh doanh tại Việt Nam, trong đó chủ yếu là doanh nghiệp. Nội dung chính đề cập đến các vấn đề lý luận và thực tiễn trong qui định của pháp luật liên quan đến điều kiện đầu tư, thành lập, điều hành hoạt động, chấm dứt hoạt động của các chủ thể kinh doanh; các qui định về việc giao kết, thực hiện, chấm dứt hợp đồng; về vấn đề giải quyết tranh chấp trong hoạt động của các chủ thể kinh doanh.

Môn học bao gồm 5 phần chính: Tổng quan về luật kinh doanh; Pháp luật về doanh nghiệp; Pháp luật về hợp đồng; Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại; Pháp luật về cạnh tranh; Pháp luật về phá sản. Môn học sử dụng tài liệu,

giáo trình bằng tiếng Anh.

2.7. Quản trị học (3 tín chỉ)

Môn học trước: không

Mô tả:

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức những vấn đề căn bản của quản trị: lịch sử phát triển, khái niệm, vai trò, những chức năng của quản trị; những kỹ năng cơ bản của nhà quản trị. Từ đó sinh viên còn có khả năng vận dụng những nội dung này để làm nền tảng nhận thức, xác lập định hướng để trau dồi kỹ năng, đồng thời có khả năng nhận biết và giải quyết những vấn đề căn bản thuộc công tác quản trị.

2.8. Nguyên lý marketing (2 tín chỉ)

Môn học trước: không

Mô tả:

Môn học được xây dựng trên cơ sở các nguyên lý cơ bản của marketing. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và biết cách triển khai bộ công cụ marketing để phục vụ nhu cầu của khách hàng mục tiêu, đồng thời mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

2.9. Tin học ứng dụng (3 tín chỉ)

Môn học trước: Đạt chuẩn đầu vào Tin học trình độ cơ bản.

Mô tả:

Học phần cung cấp các khái niệm, nguyên tắc, phương pháp ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các bài toán kinh tế; cung cấp các kiến thức và kỹ năng để sinh viên hiểu được vai trò của công nghệ thông tin, ứng dụng được các sản phẩm công nghệ thông tin trong quản lý, đầu tư tài chính và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế.

2.10. Kinh tế lượng (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế học vĩ mô, Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Mô tả:

Môn học được thiết kế như một môn khoa học ứng dụng, sinh viên được trang bị các lý thuyết cơ bản sau đó sử dụng các phần mềm chuyên dụng như Excel, Eviews, hoặc SPSS, STATA để hồi quy, ước lượng, kiểm định, phân tích và dự báo.

Nội dung môn học bao gồm: hồi quy tuyến tính và các dạng đưa về hồi quy tuyến tính theo phương pháp OLS; kiểm tra các hiện tượng đa cộng tuyến, hiện tượng phương sai của sai số thay đổi; chọn mô hình và kiểm định việc chọn mô hình; ước lượng và kiểm định các giả thuyết thống kê; phân tích và dự báo dựa trên kết quả thu được; mô hình hồi quy với chuỗi dữ liệu thời gian, vấn đề tự tương quan trong mô hình hồi quy chuỗi thời gian và một số mô hình động.

2.11. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế lượng

Mô tả:

Môn học được xây dựng để cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học một cách có hệ thống và mang tính khoa học;

Giúp người học nắm vững các bước và cùng với các kiến thức từ các môn học khác để thực hiện được một hoạt động nghiên cứu khoa học ở cấp độ nghiên cứu khoa học sinh viên: từ xác định vấn đề nghiên cứu; xây dựng đề cương nghiên cứu; tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu; trình bày kết quả một công trình nghiên cứu khoa học;

Nâng cao nhận thức của người học về vị trí, vai trò của khoa học, hoạt động nghiên cứu khoa học đối với nhân loại. Nhìn nhận, đánh giá một vấn đề trên quan điểm khoa học

2.12. Lý thuyết tài chính - tiền tệ (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô

Mô tả:

Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ là một trong những môn học nằm trong khối kiến thức ngành, nội dung của môn học đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính – tiền tệ như: tổng quan về tài chính – tiền tệ, ngân sách nhà nước; Những vấn đề cơ bản về tín dụng, ngân hàng và thị trường tài chính; Các lý luận về cung cầu tiền tệ, lãi suất, lạm phát và chính sách tiền tệ... Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng.

2.13. Thị trường tài chính và các định chế tài chính (3 tín chỉ)

Môn học trước: Lý thuyết tài chính - tiền tệ

Mô tả:

Môn học cung cấp những kiến thức nền tảng, giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về hệ thống tài chính, thị trường tài chính, các định chế tài chính, cách thức vận hành, tổ chức hoạt động và các công cụ giao dịch trên thị trường tài chính.

Môn học nghiên cứu: Tổng quan về các thành phần cấu thành nên hệ thống tài chính; Đặc điểm của các công cụ tài chính, vai trò của các chủ thể tham gia, cách thức phát hành và giao dịch của thị trường tài chính; vai trò và nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng trung gian, công ty bảo hiểm, công ty tài chính, quỹ đầu tư và các tổ chức tài chính khác.

2.14. Tài chính doanh nghiệp (3 tín chỉ)

Môn học trước: Lý thuyết tài chính - tiền tệ, Nguyên lý kế toán

Mô tả:

Tài chính doanh nghiệp là môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề tài chính của một doanh nghiệp sản xuất, làm tiền đề để học tiếp các môn tài chính chuyên sâu như kế toán tài chính, phân tích tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính doanh nghiệp, đầu tư tài chính và những môn học khác có liên quan đến tài chính của doanh nghiệp. Trong môn học này sinh viên sẽ được nghiên cứu những vấn đề chủ yếu như: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp, giá trị của tiền tệ theo thời gian, quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro, các nguồn tài trợ cho doanh nghiệp, chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp và các lý thuyết về cơ cấu vốn của doanh nghiệp, đòn bẩy hoạt động, đòn bẩy tài chính...

2.15. Kế toán tài chính 1 (3 tín chỉ)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán; Thuế

Mô tả:

Môn học cung cấp kiến thức kế toán các phần hành: kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản thanh toán; kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất (kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán TSCĐ, kế toán khoản phải trả người lao động); kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán đầu tư tài chính; kế toán xác định kết quả kinh doanh; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu. Ngoài ra, môn học trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.16. Tài chính công ty đa quốc gia (3 tín chỉ)

Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp; Kinh tế học vĩ mô

Mô tả:

Môn học cung cấp những kiến thức chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp, đặc biệt nhấn mạnh đến những vấn đề quản trị tài chính của một công ty đa quốc gia. Sinh viên sẽ được tiếp cận với những vấn đề tài chính quan trọng trong hoạt động của một công ty đa quốc gia như: đầu tư trực tiếp nước ngoài, quản trị rủi ro tỷ giá, cấu trúc vốn và chi phí sử dụng vốn, và hoạch định ngân sách vốn đầu tư. Môn học này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và năng lực cần thiết để giải quyết các vấn đề tài chính, hoạch định và thực hiện quản trị tài chính cho một công ty đa quốc gia. Môn học sử dụng tài liệu, giáo trình bằng tiếng Anh.

2.17. Tiếng Anh chuyên ngành 1 (3 tín chỉ)

Môn học trước: IELTS 4.5 hoặc các chứng chỉ khác tương đương hoặc đạt yêu cầu trong kỳ thi kiểm tra trình độ tiếng Anh do Trường tổ chức

Mô tả:

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức vốn từ và ngữ pháp tiếng Anh **cơ bản** về chuyên ngành Tài chính Ngân hàng bao gồm: kiến thức về tài khoản, dịch vụ, nghiệp vụ ngân hàng... Qua vốn từ cơ bản được cung cấp rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở mức độ tiền - trung cấp để có thể thực hiện tốt các hoạt động giao tiếp qua các tình huống giao dịch trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

2.18. Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng (3 tín chỉ)

Môn học trước: Tiếng Anh chuyên ngành 1

Mô tả:

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức vốn từ và ngữ pháp tiếng Anh **nâng cao** về chuyên ngành Tài chính Ngân hàng bao gồm: kiến thức về tài khoản, dịch vụ, nghiệp vụ ngân hàng... Qua vốn từ cơ bản được cung cấp rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở mức độ **trung cấp** để có thể thực hiện tốt các hoạt động giao tiếp qua các tình huống giao dịch trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

2.19. Lịch sử các học thuyết kinh tế (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô

Mô tả:

Lịch sử các học thuyết kinh tế là một trong những môn học tự chọn nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Mục đích của môn học nhằm hướng tới việc cung cấp khái quát quá trình hình thành và phát triển các học thuyết kinh tế trên thế giới; hiểu nội dung của các học thuyết kinh tế cũng như biết được sự kế thừa và phát triển của các học



thuyết hiện đại từ các học thuyết trước theo từng giai đoạn phát triển lịch sử xã hội. Với mục đích này, môn học tìm hiểu về quá trình hình thành, phát sinh, phát triển, đấu tranh và thay thế lẫn nhau của các học thuyết kinh tế qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội.

2.20. Kinh tế học công cộng (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô

Mô tả:

Kinh tế học công cộng là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trang bị cho sinh viên (i)hiểu biết những kiến thức cơ bản về tính hiệu quả cũng như những thất bại của thị trường, (ii)hiểu biết về vai trò của khu vực công và tác động của chính sách công trong nền kinh tế hỗn hợp, cụ thể là sửa chữa những thất bại của thị trường và thực thi các chính sách an sinh xã hội. Môn học gồm 7 chương: Kinh tế công cộng trong nền kinh tế hỗn hợp, Kinh tế học phúc lợi: hiệu quả và công bằng, Hàng hóa công và hàng hóa tư do khu vực công cộng cung cấp, Ngoại tác, Phạm vi ảnh hưởng của thuế: ai thực sự nộp thuế, Thuế và hiệu quả kinh tế, Các chương trình chi tiêu công.

2.21. Kinh tế học phát triển (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô

Mô tả:

Kinh tế học phát triển là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Đây là một chuyên ngành kinh tế chuyên biệt chuyên nghiên cứu về các vấn đề tăng trưởng và phát triển ở các nước đang phát triển. Môn học nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) hiểu biết các khái niệm về tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế, cách thức đo lường các chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng và phát triển kinh tế; (ii) hiểu biết được tầm quan trọng của việc sử dụng và phân bổ hiệu quả các nguồn lực nhằm duy trì tăng trưởng kinh tế và sự phù hợp giữa cơ chế kinh tế, xã hội, chính trị, thể chế nhằm cải thiện nhanh chóng, trên quy mô rộng đời sống của đại bộ phận dân nghèo ở các nước đang phát triển. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học gồm 6 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học phát triển, bao gồm: những vấn đề lý luận chung về tăng trưởng và phát triển, các lý thuyết các mô hình phát triển kinh tế, các nguồn lực quyết định trong tăng trưởng và phát triển kinh tế, các vấn đề phát triển trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thương mại quốc tế.

3.1. Hoạt động kinh doanh ngân hàng (3 tín chỉ)

Môn học trước: Thị trường tài chính và các định chế tài chính, IELTS 4.5 hoặc các

chứng chỉ khác tương đương hoặc đạt yêu cầu trong kỳ thi kiểm tra trình độ tiếng Anh do Trường tổ chức

Mô tả:

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế hiện đại, giúp người học nắm vững kiến thức nền tảng trong kinh doanh ngân hàng, tạo điều kiện nghiên cứu sâu hơn về từng loại hoạt động của ngân hàng khi đi vào các môn học chuyên ngành của ngành Tài chính -Ngân hàng. Môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh.

3.2. Phân tích tài chính doanh nghiệp (3 tín chỉ)

Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp; Kế toán tài chính 1

Mô tả:

Tình hình và kết quả tài chính của doanh nghiệp được thể hiện thông qua báo cáo tài chính và một số tài liệu khác; vì vậy, để phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, sinh viên phải biết cách đọc và hiểu đúng bản chất các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, hiểu đầy đủ và chính xác về mối liên hệ giữa các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

Thông qua phân tích, sinh viên có thể đánh giá các khía cạnh tài chính của doanh nghiệp và đưa ra các kết luận đúng đắn về: Kết quả kinh doanh; tình hình sử dụng vốn và nguồn đáp ứng sử dụng vốn; Cơ cấu tài chính; Khả năng tiết kiệm vốn lưu động; Mối quan hệ giữa các dòng tiền; Nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt giữa dòng tiền ròng hoạt động kinh doanh và lợi nhuận; Hiệu quả sinh lời của vốn và khả năng thanh toán; Điểm mạnh và điểm yếu trong quản trị tài chính của doanh nghiệp cũng như phát hiện những rủi ro tiềm năng.

3.3. Thuế (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô; Lý thuyết tài chính tiền tệ

Mô tả:

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng cần thiết, làm cơ sở cho người học nghiên cứu các môn chuyên ngành, sử dụng thuế nhưng một công cụ trong những vấn đề liên quan đến kinh tế, tài chính ở cấp độ vĩ mô cũng như vĩ mô.

Nội dung chính của môn học là: Trình bày những kiến thức cơ bản về thuế trên góc độ lý thuyết; Trình bày những vấn đề chung về từng loại thuế và quy định về từng loại thuế hiện hành tại Việt Nam, có liên hệ với những loại thuế tương tự ở một số quốc gia; Hướng dẫn phương pháp tính thuế; Lồng ghép việc liên hệ với những môn học

khác trong đó có đề cập đến thuế.

3.4. Marketing Dịch vụ Tài chính (3 chỉ)

Môn học trước: Nguyên lý Marketing, Hoạt động kinh doanh ngân hàng

Mô tả môn học

Khái quát những vấn đề chung về marketing dịch vụ tài chính; quá trình xâm nhập của Marketing vào hoạt động kinh doanh của các định chế tài chính; tính chất đặc thù của Marketing dịch vụ tài chính. Đề cập một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức, thực hiện Marketing trong hoạt động kinh doanh của các định chế tài chính bao gồm: phân khúc, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị; lập chiến lược và ứng dụng bộ công cụ Marketing 7Ps. Sau khi học xong, người học có thể xây dựng được chiến lược Marketing-mix cho một định chế tài chính cụ thể.

3.5. Thẩm định dự án đầu tư (3 tín chỉ)

Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp; Phân tích tài chính doanh nghiệp

Mô tả:

Môn học cung cấp cho người học những kỹ năng cơ bản về thẩm định dự án và những kỹ thuật hiện đại nhằm hạn chế thấp nhất các rủi ro có khả năng xảy ra khi cho vay dự án. Các nội dung môn học cụ thể gồm: (i) Phần thứ nhất: giới thiệu những vấn đề cơ bản về dự án đầu tư bao gồm: tổng quan về dự án đầu tư, dòng tiền, tiêu chuẩn đánh giá và suất chiết khấu trong thẩm định dự án; (ii) Phần thứ hai: giới thiệu về kỹ thuật thẩm định dự án đầu tư bao gồm: tổng quan về thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thị trường, kỹ thuật, nhân lực, tài chính, phân tích rủi ro, phân tích tác động của lạm phát và kỹ thuật đánh giá dự án bằng quyền chọn thực. Thực hành thẩm định tài chính dự án đầu tư bằng phần mềm Excel và Crystall Ball. Môn học sử dụng tài liệu, giáo trình bằng tiếng Anh.

3.6. Quản trị ngân hàng thương mại (3 tín chỉ)

Môn học trước: Quản trị học; Lý thuyết Tài chính - tiền tệ; Hoạt động kinh doanh ngân hàng

Mô tả:

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị hoạt động ngân hàng thương mại như: quản trị nguồn vốn, quản trị tài sản, quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng (rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động ...). Môn học giúp người học dự báo, nhận diện, đo lường, lựa chọn chiến lược quản trị rủi ro phù hợp theo các chuẩn mực quốc tế và Việt Nam.

3.7. Kinh tế lượng ứng dụng (trong tài chính) (2 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế lượng; Tài chính doanh nghiệp

Môn học Kinh tế lượng Ứng dụng cung cấp cho sinh viên kiến thức về các phương pháp và mô hình kinh tế lượng được ứng dụng trong nghiên cứu thực nghiệm chuyên ngành tài chính ngân hàng với ba phần chính: (i) mô hình hồi quy đa biến trọng tâm vào cách khắc phục các vấn đề phát sinh khi giả định phần dư bị vi phạm; (ii) các mô hình dữ liệu chuỗi thời gian (time series data models) gồm mô hình chuỗi thời gian đơn biến, mô hình đồng liên kết và hiệu chỉnh sai số, mô hình vector tự hồi quy (VAR); (iii) các mô hình phân tích dữ liệu bảng (panel data models) gồm mô hình tác động cố định và mô hình tác động ngẫu nhiên. Môn học được tiếp cận từ góc độ ứng dụng và gắn liền với các lý thuyết kinh tế, tài chính - ngân hàng. Các bài giảng được xây dựng nhằm giới thiệu những mô hình cụ thể, các kỹ thuật cần thiết để thực hiện ước lượng, kiểm định, dự báo, cách thực hiện các kỹ thuật ước lượng trên các nghiên cứu điển hình. Các bài thực hành trên bộ dữ liệu thực tế được cấu trúc đi kèm bài giảng nhằm đảm bảo sinh viên có thể hiểu và ứng dụng vào nghiên cứu. Môn học sử dụng tài liệu, giáo trình bằng tiếng Anh.

3.8. Bảo hiểm (3 tín chỉ)

Môn học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ; Tài chính doanh nghiệp

Mô tả:

Môn học Bảo hiểm cung cấp những vấn đề mang tính chất nguyên lý của hoạt động bảo hiểm, và những kiến thức thực tiễn cần thiết về nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm, do các công ty bảo hiểm chuyên nghiệp cung cấp trong bối cảnh môi trường kinh tế, xã hội, pháp lý của Việt Nam. Môn học Bảo hiểm đề cập đến những nội dung chính như: các vấn đề về rủi ro, các sản phẩm bảo hiểm và nguyên tắc hoạt động kinh doanh bảo hiểm; đồng thời môn học cũng giới thiệu về nguyên tắc tính phí bảo hiểm; các tính chất của hợp đồng bảo hiểm; cơ chế hình thành và sử dụng các quỹ bảo hiểm

3.9. Kinh doanh ngoại hối (3 tín chỉ)

Môn học trước: Hoạt động kinh doanh ngân hàng, IELTS 4.5 hoặc các chứng chỉ khác tương đương hoặc đạt yêu cầu trong kỳ thi kiểm tra trình độ tiếng Anh do Trường tổ chức

Mô tả:

Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về thị trường ngoại hối và các khái niệm cơ bản liên quan đến thị trường ngoại hối. Đồng thời, môn học cũng mô tả về các loại hình giao dịch trên thị trường ngoại hối bao gồm giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, tương lai và quyền chọn. Sau khi đã học môn học, người học trong khuôn khổ chương trình đào tạo có thể hiểu được những vấn đề cơ bản về thị trường ngoại hối, nắm bắt được

các giao dịch cơ bản trên thị trường ngoại hối và biết vận dụng các giao dịch này để thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối và bảo hiểm rủi ro tỷ giá. Môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh.

3.10. Kế toán ngân hàng (3 tín chỉ)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Hoạt động kinh doanh ngân hàng

Mô tả:

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về nghiệp vụ kế toán ngân hàng cơ bản. Cụ thể là các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các nghiệp vụ cơ bản phát sinh tại ngân hàng thương mại như kế toán tiền mặt, nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, dịch vụ thanh toán qua ngân hàng, nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế, kết quả kinh doanh – phân phối lợi nhuận và cách thức trình bày trên các báo cáo tài chính của ngân hàng.

3.11. Kế toán quản trị (3 tín chỉ)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán; Tài chính doanh nghiệp; IELTS 4.5 hoặc các chứng chỉ khác tương đương hoặc đạt yêu cầu trong kỳ thi kiểm tra trình độ tiếng Anh do Trường tổ chức

Mô tả:

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị, nhận diện chi phí, phân loại chi phí theo các tiêu thức khác nhau từ đó vận dụng để phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận, lập các dự toán ngân sách và cung cấp thông tin đánh giá trách nhiệm quản lý, định giá bán sản phẩm và các thông tin thích hợp trong việc ra quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh.

3.12. Khởi nghiệp kinh doanh (3 tín chỉ)

Môn học trước: Nguyên lý marketing, Tài chính doanh nghiệp, IELTS 4.5 hoặc các chứng chỉ khác tương đương hoặc đạt yêu cầu trong kỳ thi kiểm tra trình độ tiếng Anh do Trường tổ chức

Mô tả môn học:

Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học về khởi sự doanh nghiệp. Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về những yếu tố nền tảng, những yêu cầu và kỹ năng cần thiết của doanh nhân; hình thành và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; kế hoạch khởi sự kinh doanh; triển khai hoạt động và từng bước xây dựng hệ thống kinh doanh hiệu quả; làm thế nào để mở một doanh nghiệp với số vốn rất ít ban đầu, cách xây dựng công ty từ ngày đầu khởi nghiệp; cách quản lý tiền bạc và phát triển hệ

thống... Môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh.

3.13. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (3 tín chỉ)

Môn học trước: không

Mô tả môn học

Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học về đạo đức và văn hóa trong kinh doanh, là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành mang tính chất bổ trợ kiến thức cho sinh viên khối ngành kinh tế nói chung và sinh viên khoa quản trị kinh doanh nói riêng. Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về (1) vấn đề đạo đức trong kinh doanh như khái niệm, vai trò, sự cần thiết, chuẩn mực và cách thức xây dựng đạo đức trong kinh doanh trong điều kiện kinh doanh hiện nay; (2) vấn đề văn hóa doanh nghiệp như khái niệm, sự cần thiết, các nhân tố hình thành, mô hình và kỹ năng cần thiết để xây dựng và quản lý văn hóa của doanh nghiệp khi trở thành nhà quản trị quan trọng tại doanh nghiệp.

3.14. Tín dụng ngân hàng (3 tín chỉ)

Môn học trước: Hoạt động kinh doanh ngân hàng; Phân tích tài chính doanh nghiệp

Mô tả:

Môn học cung cấp những kiến thức nền tảng, hiện đại về tín dụng ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế và Việt Nam, giúp người học có khả năng ứng dụng các kỹ thuật trong quá trình cấp tín dụng, đồng thời có khả năng đề xuất cải tiến thay đổi các chính sách, cơ chế liên quan đến hoạt động tín dụng ngân hàng.

3.15. Thanh toán quốc tế (3 tín chỉ)

Môn học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ, IELTS 4.5 hoặc các chứng chỉ khác tương đương hoặc đạt yêu cầu trong kỳ thi kiểm tra trình độ tiếng Anh do Trường tổ chức

Mô tả:

Môn học này trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết về hoạt động thanh toán quốc tế để người học có thể thực hiện được các nghiệp vụ thanh toán quốc tế tại các vị trí là người kinh doanh xuất nhập khẩu và là chuyên viên ngân hàng. Nội dung chính của môn học gồm: Nội dung chính của môn học gồm: Những vấn đề cơ bản liên quan đến hoạt động thanh toán quốc tế; Các văn bản luật, tập quán giao dịch trong thanh toán quốc tế; Các văn bản luật, tập quán giao dịch trong thanh toán quốc tế; Các chứng từ tài chính, chứng từ thương mại trong thanh toán quốc tế; và các phương thức trong thanh toán quốc tế. Môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh.

3.16. Đầu tư tài chính (3 tín chỉ)

Môn học trước: Phân tích tài chính doanh nghiệp, IELTS 4.5 hoặc các chứng chỉ khác tương đương hoặc đạt yêu cầu trong kỳ thi kiểm tra trình độ tiếng Anh do Trường tổ chức

Mô tả:

Học phần trang bị cho học viên hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về các công cụ đầu tư, phân tích ngành, phân tích công ty cổ phần, định giá doanh nghiệp và cổ phiếu, phân tích và định giá trái phiếu, phân tích và định giá chứng khoán phái sinh, phân tích kỹ thuật. Từ đó học viên có thể vận dụng trong hoạt động đầu tư tại bộ phận tự doanh của công ty chứng khoán hoặc bộ phận đầu tư của quỹ đầu tư hoặc các doanh nghiệp khác. Ngoài ra, còn phục vụ cho việc tự đầu tư hoặc tư vấn đầu tư. Môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh.

3.17. Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư (3 tín chỉ)

Môn học trước: Đầu tư tài chính

Mô tả:

Môn học nghiên cứu về ngân hàng đầu tư khởi đầu bằng việc giới thiệu ngân hàng đầu tư, phân biệt ngân hàng đầu tư với ngân hàng thương mại truyền thống, loại ngân hàng đầu tư, các hoạt động của ngân hàng đầu tư và cấu trúc của ngân hàng đầu tư hiện đại.

Trọng tâm của môn học là tập trung vào các phương pháp định giá chính hiện đang được sử dụng trên các thị trường chứng khoán, cụ thể là phân tích các công ty có thể so sánh, phân tích giao dịch tiền lệ, phân tích chiết khấu dòng tiền và phân tích mua lại bằng đòn bẩy (LBO). Những phương pháp này được sử dụng để xác định giá trị cho các công ty đại chúng và tư nhân trong các giao dịch M&A, LBO, IPOs, tái cấu trúc và các quyết định đầu tư.

Môn học cũng giới thiệu toàn diện về các nguyên tắc cơ bản của LBO và giao dịch M&A. Đối với cả LBO và M&A, môn học thảo luận chi tiết về cấu trúc giao dịch, quy trình, phương pháp phân tích và phương pháp định giá, phân tích tỉ mỉ cả LBO và M&A bao gồm M&A xét ở góc độ người bán, M&A xét ở góc độ người mua, nguồn tài chính, các điều khoản, các chiến lược, các cột mốc quan trọng, các tài liệu pháp lý và tiếp thị trong các hoạt động M&A. Môn học sử dụng tài liệu, giáo trình tiếng Anh.

3.18. Quản lý danh mục đầu tư (3 tín chỉ)

Môn học trước: Đầu tư tài chính, Tài chính doanh nghiệp, IELTS 4.5 hoặc các chứng chỉ khác tương đương hoặc đạt yêu cầu trong kỳ thi kiểm tra trình độ tiếng Anh do Trường tổ chức

Mô tả:

Môn học cung cấp cho sinh viên nền tảng lý thuyết và kỹ năng thực hành về xây dựng và quản trị danh mục đầu tư. Những nội dung cơ bản bao gồm: lợi nhuận rủi ro của danh mục đầu tư; lý thuyết danh mục đầu tư và mô hình Markowitz; các mô hình định giá tài sản (CAPM, SIM, APT); lý thuyết thị trường hiệu quả (EMH); các phương pháp xây dựng và quản lý danh mục đầu tư, cụ thể như quy trình xây dựng danh mục đầu tư, các chiến lược quản lý danh mục đầu tư cổ phiếu và trái phiếu, và đánh giá hiệu quả hoạt động của một danh mục đầu tư. Những vấn đề cần lưu ý trong xây dựng DMDT của các nhà đầu tư khác nhau như: nhà đầu tư cá nhân, công ty bảo hiểm, ngân hàng, quỹ đầu tư... Ứng dụng tin học để giải quyết những bài toán cụ thể trong quản lý danh mục đầu tư. Môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh.

3.19. Thực tập cuối khóa (3 tín chỉ)

Môn học trước: Theo Quy chế đào tạo

Mô tả:

Thực tập tốt nghiệp là học phần hướng dẫn sinh viên tham quan, khảo sát, nghiên cứu, thực hành các hoạt động kinh doanh thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính ngân hàng tại các công ty, ngân hàng thương mại, định chế tài chính phi ngân hàng, các tổ chức quản lý hoạt động tài chính- tiền tệ của chính phủ v.v... Qua thực tập, sinh viên sẽ ứng dụng các kiến thức đã học vào môi trường, vào hoạt động kinh doanh cụ thể để hiểu rõ hơn lý thuyết, giúp sinh viên bổ sung các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho tương lai và đóng góp các ý kiến cho nơi thực tập.

3.20. Khóa luận tốt nghiệp (9 tín chỉ)

Môn học trước: Theo Quy chế đào tạo

Mô tả:

Khóa luận tốt nghiệp là một sản phẩm khoa học, phản ánh kết quả nghiên cứu của sinh viên về lĩnh vực Tài chính- Ngân hàng. Trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của người hướng dẫn khoa học, sinh viên sẽ ứng dụng kiến thức ngành Tài chính-Ngân hàng nói chung, chuyên ngành Tài chính nói riêng và phương pháp nghiên cứu khoa học để nghiên cứu một vấn đề thực tiễn, góp phần hoàn thiện vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

12.2. CÁC HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ QUỐC PHÒNG

12.2.1. Các học phần giáo dục thể chất

1.1. Học phần Giáo dục thể chất 1 (1 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Mô tả: Truyền đạt cho SV những kiến thức cơ bản của môn điền kinh, phát triển thể



chất và nâng cao những tố chất vận động, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, tăng cường ý thức tự rèn luyện. **Nội dung bao gồm:** Một số khái niệm cơ bản về giáo dục thể chất trong các trường ĐH, hệ thống thể thao Việt Nam; Chấn thương thể thao và các biện pháp phòng ngừa; Kỹ thuật chạy cự ly ngắn; Kỹ thuật chạy cự ly trung bình và dài. Kết hợp các nội dung lý thuyết và thực hành.

1.2. Học phần Giáo dục thể chất 2 (1 tín chỉ)

Môn học trước: Giáo dục thể chất 1

Mô tả: Truyền đạt cho SV những kiến thức cơ bản của môn điền kinh, phát triển thể chất và nâng cao những tố chất vận động, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, tăng cường ý thức tự rèn luyện. **Nội dung bao gồm:** Kỹ thuật đẩy tạ; Kỹ thuật nhảy xa; Giới thiệu về Olympic quốc tế và Olympic VN. Kết hợp các nội dung lý thuyết và thực hành.

1.3. Học phần Giáo dục thể chất 3 (1 tín chỉ)

Môn học trước: Học phần Giáo dục thể chất 2

1.4. Học phần Giáo dục thể chất 4 (1 tín chỉ)

Môn học trước: Học phần Giáo dục thể chất 3

1.5. Học phần Giáo dục thể chất 5 (1 tín chỉ)

Môn học trước: Học phần Giáo dục thể chất 4

Mô tả Học phần Giáo dục thể chất 3; 4; 5:

Sinh viên được quyền lựa chọn 1 trong các môn thể thao như: Tennis, bóng bàn, cầu lông... Môn học này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của Tennis, hoặc bóng bàn, hoặc cầu lông... lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm tác dụng của việc tập luyện thi đấu. Các kỹ thuật, chiến thuật, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; giúp sinh viên phát triển tố chất thể lực sức nhanh, mạnh, bền, năng lực phối hợp vận động, đặc biệt là sức mạnh bật phát; rèn luyện ý thức tự giác tích cực, đảm bảo tính kỷ luật trong học tập và rèn luyện tinh thần đoàn kết. Sinh viên tham gia tập luyện thường xuyên ngoài việc duy trì sức khỏe còn chọn ra những sinh viên ưu tú bổ sung cho đội tuyển của nhà trường.

12.2.2. Các học phần giáo dục quốc phòng và an ninh

Các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh được tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ theo chương trình riêng.

12.3. CÁC HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TĂNG CƯỜNG

12.3.1. Tiếng Anh tăng cường

1.1. Tiếng Anh tăng cường 1 (4 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Mô tả:

IE1 là môn học đầu tiên trong chương trình tiếng Anh tăng cường gồm 9 môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên cải thiện vốn kiến thức tiếng Anh để có thể áp dụng vào thực hành. Môn học còn cung cấp đa dạng từ vựng và những cấu trúc ngữ pháp hoàn chỉnh sử dụng trong các ngữ cảnh giao tiếp. Sinh viên có sẽ sử dụng các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết ở mức độ sơ cấp (A2) theo khung CEFR.

1.2. Tiếng Anh tăng cường 2 (4 tín chỉ)

Môn học trước: IE1 hoặc đạt các điều kiện theo quy định của Nhà trường

Mô tả:

IE2 là môn học thứ 2 trong chương trình tiếng Anh tăng cường gồm 9 môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên thực hành vốn kiến thức tiếng Anh và tích lũy thêm từ vựng. Nhằm hỗ trợ sinh viên phát triển bốn (04) kỹ năng giao tiếp, môn học còn cung cấp lượng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và ngữ cảnh giao tiếp để sinh viên thực hành. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên được mong đợi có thể đạt được khả năng giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ tiền B1 theo khung CEFR.

1.3. Tiếng Anh tăng cường 3 (4 tín chỉ)

Môn học trước: IE2 hoặc đạt các điều kiện theo quy định của Nhà trường

Mô tả:

Tiếp theo hai môn IE1 và IE2, môn IE3 được thiết kế để nhằm giúp sinh viên vận dụng vốn từ vựng được tích lũy để xây dựng từ đồng nghĩa, trái nghĩa, từ cùng gia đình. Một số hình thức văn bản viết cơ bản trong thương mại được cung cấp cho sinh viên và các bài tập thực hành tương ứng để tạo cho sinh viên cơ hội luyện kỹ năng viết các văn bản trong lĩnh vực thương mại. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đạt được khả năng giao tiếp tiếng Anh ở mức trên B1 (mid-B1) (CEFR).

1.4. Tiếng Anh tăng cường 4 (4 tín chỉ)

Môn học trước: IE3 hoặc đạt các điều kiện theo quy định của Nhà trường

Mô tả:

IE4 giúp sinh viên tăng lượng từ vựng về các chủ đề như kể chuyện, tình bạn, du lịch, chi tiêu, nguồn cảm hứng để ứng dụng vào các tình huống đàm thoại hoặc độc thoại. Các cấu trúc ngữ pháp được giới thiệu và thực hành trong các tình huống khác nhau. Sinh viên được giới thiệu các loại văn bản trang trọng (formal) dùng trong tình huống

thương mại và bài tập thực hành yêu cầu sinh viên hoàn tất. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên được mong đợi sẽ có thể đạt được khả năng giao tiếp tiếng Anh ở mức B1 (CEFR).

1.5. Tiếng Anh tăng cường 5 (4 tín chỉ)

Môn học trước: IE4 hoặc đạt các điều kiện theo quy định của Nhà trường

Mô tả:

IE 5 là môn học đầu tiên trong chuỗi 5 môn học nhằm mục tiêu trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và chiến thuật để làm bài thi IELTS học thuật (IELTS Academic). Sinh viên cần hoàn tất 4 môn học IE 1→4 trước khi vào học môn học này. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đạt được khả năng giao tiếp tiếng Anh ở mức điểm 4.5 cho bài thi IELTS học thuật.

1.6. Tiếng Anh tăng cường 6 (4 tín chỉ)

Môn học trước: IE5 hoặc đạt các điều kiện theo quy định của Nhà trường

Mô tả:

IE6 là môn học thứ hai trong chuỗi 5 môn học nhằm mục tiêu giúp sinh viên chuẩn bị cho kì thi IELTS học thuật sau khi đã hoàn tất 4 khóa tiếng Anh tăng cường làm nền tảng trước đó. Trong suốt khóa học này, sinh viên tiếp tục được bổ trợ từ vựng, ôn ngữ pháp, cải thiện phát âm và học thêm một số chiến lược làm bài thi IELTS học thuật (IELTS academic). Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên sẽ có thể đạt được năng lực tiếng Anh tương đương mức điểm 5.0 cho bài thi IELTS học thuật.

1.7. Tiếng Anh tăng cường 7 (4 tín chỉ)

Môn học trước: IE6 hoặc đạt các điều kiện theo quy định của Nhà trường

Mô tả:

IE7 là môn học thứ ba trong chuỗi 5 môn học nhằm mục tiêu giúp sinh viên chuẩn bị cho kì thi IELTS học thuật sau khi đã hoàn tất 4 môn tiếng Anh tăng cường làm nền tảng trước đó. Trong suốt môn học này, sinh viên tiếp tục được bổ trợ từ vựng, ôn ngữ pháp, cải thiện phát âm và học thêm một số chiến lược làm bài. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên sẽ có thể đạt được năng lực tiếng Anh tương đương mức điểm 5.5 cho bài thi IELTS học thuật.

1.8. Tiếng Anh tăng cường 8 (4 tín chỉ)

Môn học trước: IE7 hoặc đạt các điều kiện theo quy định của Nhà trường

Mô tả:

IE8 là môn học thứ tư trong chuỗi 5 môn học nhằm mục tiêu giúp sinh viên chuẩn bị cho kì thi IELTS học thuật sau khi đã hoàn tất 4 môn tiếng Anh tăng cường làm nền tảng trước đó. Trong thời gian học môn học này, sinh viên tiếp tục được hỗ trợ từ vựng, ôn ngữ pháp, cải thiện phát âm và học thêm một số chiến lược làm bài cho cả 4 kĩ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên sẽ có thể đạt được năng lực tiếng Anh tương đương mức điểm 6.0 cho bài thi IELTS học thuật.

1.9. Tiếng Anh tăng cường 9 (4 tín chỉ)

Môn học trước: IE 8 hoặc đạt các điều kiện theo quy định của Nhà trường

Mô tả:

IE9 là môn học cuối cùng trong chuỗi 5 môn luyện thi IELTS nhằm mục tiêu trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và chiến thuật để làm bài thi IELTS học thuật. Với vị thế đó, môn học còn nhằm tạo cơ hội cho sinh viên tăng cường luyện tập để ngày một nâng cao năng lực Anh ngữ của bản thân cũng như đạt được số điểm IELTS mong muốn khi ra trường. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên sẽ có thể đạt được năng lực tiếng Anh tương đương mức điểm 6.5 cho bài thi IELTS học thuật.

12.3.2. Kỹ năng mềm

2.1. Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình (2 tín chỉ):

Môn học trước: Không

Mô tả:

Môn học Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình trang bị và rèn luyện cho tân sinh viên kỹ năng tự tin, giao tiếp chuyên nghiệp ở môi trường Đại học, nơi công sở và cuộc sống. Hiểu được kiến thức tổng quan về nghệ thuật thuyết trình và nói trước công chúng, nhận thức được vai trò của kỹ năng thuyết trình đối với quá trình học tập tại trường cũng như trong sự nghiệp và cuộc sống trong tương lai. Qua môn học, sinh viên sẽ có thể tiến hành các bước chuẩn bị cho buổi thuyết trình cả về nội dung, hình thức và các phương tiện hỗ trợ; tiến hành thuyết trình một cách hiệu quả; kết hợp sử dụng ngôn ngữ, giọng nói và ngôn ngữ cơ thể một cách nhuần nhuyễn; có kỹ năng trả lời câu hỏi và xử lý các tình huống phát sinh trong thuyết trình. Mục tiêu chính của môn học là giúp sinh viên hiểu được các phương pháp và rèn luyện các kỹ năng cơ bản, nhận thức được các điểm mạnh và điểm yếu của bản thân từ đó tiếp tục phát triển và hoàn thiện kỹ năng thuyết trình để sử dụng trong học tập, công việc và cuộc sống. Thông qua giao tiếp, sinh viên dễ hòa nhập hơn với môi trường học tập, làm việc, phát huy hết những khả năng của mình thông qua công cụ giao tiếp, xử lý khéo các tình huống trong giao tiếp.

2.2. Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm (2 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Mô tả:

Môn học Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm trang bị và rèn luyện cho tân sinh viên kỹ năng phối hợp và tương tác trong nhóm và kỹ năng lãnh đạo, điều phối công việc, giúp sinh viên vững vàng và có thái độ tích cực trong hoạt động nhóm không chỉ ở môi trường Đại học mà còn ở công sở và cuộc sống. Sinh viên cũng nắm bắt được các kiến thức tổng quan về quá trình hình thành, phát triển và củng cố nhóm, cũng như các kiến thức cơ bản về lãnh đạo như khái niệm, vai trò và tố chất cần thiết của người lãnh đạo. Qua môn học, sinh viên có thể chuẩn bị thái độ và tư tưởng tích cực với những kỹ năng mềm cần thiết để tham gia hòa nhập với môi trường học tập, làm việc, phát huy tốt nhất những khả năng của mình và xử lý tốt các tình huống tương tác nhóm và lãnh đạo hoạt động nhóm.

2.3. Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề

Môn học trước: Không

Mô tả:

Kỹ năng phân tích và xử lý vấn đề là môn học bắt buộc thuộc khối kỹ năng bổ trợ đối với hệ đại học – Chương trình đào tạo chất lượng cao. Môn học cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phân tích và xử lý các vấn đề; qua đó giúp sinh viên vận dụng được những kỹ năng này vào quá trình học tập – nghiên cứu và xử lý công việc.

2.4. Kỹ năng ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực tài chính ngân hàng

Môn học trước: Không

Mô tả:

Môn học trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về những công nghệ mới và ứng dụng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng như: Tiền điện tử, trí tuệ nhân tạo, công nghệ blockchain, Phân tích dữ liệu lớn (Big Data), Dịch vụ ngân hàng số, cho vay ngang hàng ... Giúp người học có sự chuẩn bị tích cực cho những thay đổi của ngành tài chính ngân hàng trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

13.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm: Các môn lý luận chính trị, Các môn khoa học cơ bản được xây dựng tương tự như chương trình đại học chính quy; thông qua phương pháp giảng dạy và điều kiện giảng dạy giúp sinh viên tăng cường rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình...

13.2. Khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành: được phát triển dựa trên nền tảng của chương trình đại học chính quy, đồng thời được tham khảo các chương trình đào tạo nước ngoài, được xây dựng theo hướng tích hợp để tạo điều kiện cho sinh viên có thể học liên thông, hoặc chuyển tiếp sang các chương trình đào tạo nước ngoài. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành được lồng ghép nội dung thực hành, thực tập, nghiên cứu thực tế trong quá trình tổ chức giảng dạy môn học hoặc sau khi kết thúc môn học.

13.3. Các học phần Giáo dục Quốc phòng được thực hiện tương tự như chương trình đại học chính quy, là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp, không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

13.4. Các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2 được thực hiện tương tự như chương trình đại học chính quy ngoại trừ quy định về sĩ số lớp. Các học phần Giáo dục thể chất 3,4,5 sinh viên có thể lựa chọn một trong các môn như Tennis, bóng bàn, cầu lông Đây là các học phần điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp, không sử dụng để tính điểm trung bình tích lũy.

13.5. Tổ chức đào tạo: Lớp học phần được tổ chức khi đăng ký môn học, có sĩ số tối đa là 40 sinh viên và tối thiểu là 20 sinh viên, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định. Thực hiện theo học chế tín chỉ, sử dụng triệt để phương pháp giảng dạy mới theo hướng phát huy năng lực cá nhân của sinh viên, tăng cường rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng sử dụng các trang thiết bị hiện đại và các phần mềm chuyên dụng để giải quyết các nội dung chuyên môn.

13.6. Điều kiện và chuẩn đầu ra tin học:

- Điều kiện (chuẩn tin học đầu vào) để được học môn Tin học ứng dụng – tổ chức ở học kỳ III, IV: sinh viên phải đạt trình độ tin học tối thiểu tương ứng trình độ của chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương; hoặc đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trình độ tin học do Trường tổ chức.

- Điều kiện (chuẩn tin học đầu ra) để xét tốt nghiệp: sinh viên phải đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao hoặc tương đương.

- Việc thực hiện nộp chứng chỉ tin học các trình độ nêu trên được Nhà Trường thông báo chi tiết, cụ thể cho sinh viên các khoá đào tạo.

13.7. Điều kiện và chuẩn đầu ra tiếng Anh:

- Điều kiện (chuẩn tiếng Anh đầu vào) để được học môn Tiếng Anh chuyên ngành 1 – tổ chức ở học kỳ IV): sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu tương ứng cấp độ 3/6 theo quy định của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tức tương đương trình độ IELTS 4.5 hoặc đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trình độ tiếng

Anh do Trường tổ chức. (trường hợp sử dụng các chứng chỉ tiếng Anh khác: thực hiện quy đổi trình độ tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT).

- Điều kiện (chuẩn tiếng Anh đầu ra) để được xét tốt nghiệp: sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu tương ứng cấp độ 4/6 theo quy định của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tức tương đương trình độ IELTS 5.5 (trường hợp sử dụng các chứng chỉ tiếng Anh khác: thực hiện quy đổi trình độ tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT).

- Việc thực hiện nộp chứng chỉ ngoại ngữ các trình độ nêu trên được Nhà Trường thông báo chi tiết, cụ thể cho sinh viên các khoá đào tạo

13.8. Các học phần được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh và các học phần sử dụng giáo trình, tài liệu tiếng Anh

- Có hơn 20% số tín chỉ các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành được dạy bằng Tiếng Anh. Các học phần cụ thể bao gồm:
 - Hoạt động kinh doanh ngân hàng, Đầu tư tài chính, Quản lý danh mục đầu tư, Thanh toán quốc tế, Kế toán quản trị, Khởi nghiệp kinh doanh, Kinh doanh ngoại hối (Áp dụng từ khóa 5).
 - Kinh tế học quốc tế (Áp dụng từ khóa 6)
- Điều kiện để học các học phần giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh là sinh viên đã đạt chứng chỉ IELTS 4.5 hoặc các chứng chỉ khác tương đương hoặc đạt yêu cầu trong kỳ thi kiểm tra trình độ tiếng Anh do Trường tổ chức.
- Ngoài ra còn có một số học phần sử dụng giáo trình, tài liệu tiếng Anh trong quá trình giảng dạy, học tập được quy định cụ thể tại đề cương các học phần.

13.9. Chương trình đào tạo tiếng Anh tăng cường:

Chương trình tiếng Anh tăng cường được thực hiện theo quy định về tổ chức giảng dạy tiếng Anh tăng cường dành cho sinh viên hệ đại học chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.

13.10. Chương trình đào tạo kỹ năng mềm: Sinh viên phải hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm bao gồm 8 tín chỉ. Nhà trường tổ chức chương trình với nhiều học phần kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển các nhân và nghề nghiệp tương lai. Sinh viên không phải đóng học phí cho các học phần kỹ năng mềm.

13.11. Nghiên cứu khoa học: Trong cả khóa học, mỗi sinh viên CTĐTCLC phải được công nhận hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học theo Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên thuộc CTĐTCLC. Đây là một trong những điều kiện xét công nhận tốt nghiệp.

13.12. Khoá luận tốt nghiệp: Sinh viên được yêu cầu thực hiện khoá luận tốt nghiệp, và được khuyến khích thực hiện khoá luận tốt nghiệp bằng tiếng Anh.

13.13. Tham quan, kiến tập, thực hành: Nhà trường tổ chức cho sinh viên tham quan, thực hành, thực tập tại các tổ chức doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước theo kế hoạch hoặc lồng ghép trong các học phần ngành và chuyên ngành.

13.14. Đội ngũ giảng viên: Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình chất lượng cao phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của BGD&ĐT và quy định của Trường. Hàng năm Hiệu trưởng phê duyệt danh sách giảng viên tham gia giảng dạy chương trình chất lượng cao. Danh sách này được công bố trên website chính thức của Nhà trường.

HIỆU TRƯỞNG 



TS. Bùi Hữu Toàn